

Thời gian làm bài: 90 phút (Không tính thời gian phát đề)

TT (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/ đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNKQ	TL	
1	Hàm số $y=ax^2(a \neq 0)$ Phương trình bậc hai một ẩn	1.1. Hàm số $y=ax^2(a \neq 0)$	1TN 0,25		1TN 0,25	1 0,5					60
		1.2. Phương trình bậc hai một ẩn	2TN 0,5	1 1,0							
		1.3. Định lí Viète và ứng dụng	1TN 0,25		1TN 0,25	1 1,0				1** 1,0	
		1.4. Giải bài toán bằng cách lập phương trình						1 1,0			
2	Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp	2.1. Góc nội tiếp	1TN 0,25					1* 1,0			35
		2.2. Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một tam giác	1TN 0,25								
		2.3. Tứ giác nội tiếp.	1TN 0,25	1 0,5		1 1,0		1* 1,0		1** 1,0	
		2.4. Đa giác đều	1TN 0,25								
3	Một số hình khối	3.1. Hình trụ và hình nón	2TN 0,5								

	trong thực tiễn									5	
Tổng			10	2	2	3		2		1	100
			2,5	1,5	0,5	2,5		,0	2	1,0	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100
Tỉ lệ chung			70%				30%				100

Ghi chú: 1* Mức độ vận dụng chọn một trong hai ý

1** Mức độ vận dụng cao chọn một trong hai ý

Thời gian làm bài: 90 phút (Không tính thời gian phát đề)

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$. Phương trình bậc hai một ẩn	1.1. Hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$	Nhận biết - Nhận biết dạng đồ thị của hàm số bậc hai. - Nhận biết một điểm có tọa độ cho trước có thuộc hay không thuộc đồ thị hàm số đồ thị hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ Câu 1 (TN) Thông hiểu - Xác định hai điểm phân biệt thuộc đồ thị hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ với hệ số a nguyên. - Xác định được hệ số a khi biết đồ thị hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ đi qua một điểm cho trước có tọa độ nguyên. - Vẽ được đồ thị hàm số $y = ax^2 (a \neq 0)$ Câu 2 (TN); Câu 13 (TL)	1TN (0,25đ)	1TN (0,25đ) 1 TL (0,5đ)		
		1.2. Phương trình bậc hai một ẩn	Nhận biết - Nhận biết được các hệ số của phương trình bậc hai một ẩn. - Nhận biết được một số nguyên có	2 TN (0,5đ) 1 TL			

		phải là nghiệm của phương trình bậc hai một ẩn. - Hiểu được số nghiệm của một phương trình bậc hai. - Tìm điều kiện của tham số để phương trình bậc hai một ẩn có nghiệm - Giải được phương trình bậc hai một ẩn với hệ số nguyên ở dạng đơn giản. Câu 3,4 (TN), Câu 14a (TL)	(1,0đ)			
	1. 3. Định lí Viète và ứng dụng	Nhận biết - Nhận biết được hệ số a,b,c của phương trình bậc hai một ẩn để xác định tổng hoặc tích hai nghiệm của phương trình - Nhận biết được tổng và tích của phương trình bậc hai. Câu 5(TN) Thông hiểu: - Hiểu được khi nào thì phương trình bậc hai một ẩn có nghiệm bằng 1 hoặc bằng -1 - Xác định được giá trị của tham số thỏa mãn điều kiện cho trước của phương trình bậc hai Câu 6 (TN), Câu 14b (TL) Vận dụng cao - Vận dụng được định lý Viet để giải quyết bài toán gắn liền với thực tế. Câu 16c**(TL)	1 TN (0,25đ)	1 TN (0,25đ) 1 TL (1,0đ)		1 ** TL (0,5đ)
	1.4. Giải bài toán bằng cách lập phương	Vận dụng Giải quyết được bài toán giải toán bằng cách lập phương trình có yếu tố hình học, toán năng suất, chuyển			1 TL (1,0đ)	

		trình	động.				
2	Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp	2.1. Góc nội tiếp	Nhận biết - Nhận biết được góc nội tiếp trong đường tròn - Nhận biết được cung bị chắn bởi góc nội tiếp của một đường tròn. Câu 7 (TN) Vận dụng - Tính được số đo góc nội tiếp trong đường tròn Câu 16b*(TL)	1TN (0,25đ)		1* TL (1,0đ)	
		2.2. Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một tam giác	Nhận biết -Nhận biết được đường tròn ngoại tiếp tam giác - Nhận biết được đường tròn nội tiếp tam giác - Nhận biết được tâm và bán kính của đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một tam giác . Câu 8 (TN)	1TN (0,25đ)			
		2.3. Tứ giác nội tiếp.	Nhận biết -Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn -Nhận biết được số đo một góc của tứ giác nội tiếp khi biết số đo góc đối của nó. Câu 9 (TN), Câu 15 (TL) Thông hiểu - Xác định được một tứ giác nội tiếp một đường tròn. Câu 16a (TL) Vận dụng - Vận dụng được tính chất tứ giác nội tiếp để giải quyết bài tập về tứ giác	1TN (0,25) 1TL (0,5đ)	1TL (1,0đ)	1* TL (1,0đ)	1** TL (1,0đ)

			nội tiếp đường tròn Câu 16b*(TL) Vận dụng cao - Vận dụng được tính chất tứ giác nội tiếp để chứng minh các tính chất hình học Câu 16c**(TL)				
		2.4. Đa giác đều	Nhận biết - Nhận dạng được đa giác đều. - Nhận biết được những hình phẳng có dạng đa giác đều trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc,... - Nhận biết được phép quay. Câu 10 (TN)	1TN (0,25)			
3	Một số hình khối trong thực tiễn	3.1. Hình trụ và hình nón	Nhận biết - Nhận biết hình trụ, diện tích xung quanh và thể tích hình trụ. - Nhận biết hình nón, diện tích xung quanh và thể tích hình nón. Câu 11; 12 (TN)	2TN (0,5)			
Tổng số câu				10 TN, 2 TL	2 TN 3TL	2TL	1TL
Tổng số điểm				4,0đ	3,0đ	2,0đ	1,0đ
Tỉ lệ %				40	30	20	10

Ghi chú: (1*) Mức độ vận dụng thấp chọn một trong hai ý.

(1**) Mức độ vận dụng cao chọn một trong hai ý

**Người xây dựng ma trận,
đặc tả đề**
(Ký và họ tên)

Nông Lan Phương

Người thẩm định
(Ký và họ tên)

Bùi Xuân Tuấn

Xác nhận của lãnh đạo PGD
(Ký và họ tên)

Đường Mạnh Hà